KT3-00332AXD8

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

07/05/2018
Page 01/02

1. Tên mẫu : **BUMA FLEX**
Name of sample

2. Số lượng mẫu : 01 (25 kg)
Quantity

3. Ngày nhận mẫu : 07/02/2018
Date of receiving

4. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY TNHH BUMATECH**
Customer **42/8 Nguyễn Giản Thanh, P.15, Q.10, TP. Hồ Chí Minh**

5. Phương pháp thử : TCVN 7899-2 : 2008 Gạch gốm ốp lát – Vữa, keo chít mạch & dán gạch
Test method Phần 2: Phương pháp thử vữa, keo dán gạch

6. Thời gian thử nghiệm: 08/02/2018 – 07/05/2018
Testing duration

7. Điều kiện thử nghiệm/ *Test condition*:
- Tỷ lệ trộn/ *Ratio of mixing*: Nước/ *Water* : Bột/ *powder* = 23 %
- Điều kiện nhiệt độ [t] và độ ẩm tương đối [RH] bảo dưỡng mẫu
Temperature [t] and relative humidity [RH] condition
  - Phòng trộn mẫu và thử mẫu/ *Mixing room and testing room*: t = [27 ± 2] °C; RH = [65 ± 10] %

8. Kết quả thử nghiệm/ *Test result*: Xem trang/ *See page* 02/02

P. TRƯỞNG PTN XÂY DỰNG *DEPUTY HEAD OF CIVIL ENGINEERING TESTING LAB.*	TL. GIÁM ĐỐC *PP. DIRECTOR* TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM *HEAD OF TESTING LAB.*
Trần Huỳnh Chương	Nguyễn Tấn Tùng

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 – TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG – BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến./ *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu./ *Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.

N/A: không áp dụng.
Not applicable

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ – TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG – TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

8. Kết quả thử nghiệm/ *Test results*:

Tên chỉ tiêu *Characteristics*		C_2TE	Kết quả thử nghiệm *Test result*
8.1. Cường độ bám dính/*Adhesive strength*, (Trên nền bê tông/ *On concrete substrate*)	MPa		
• Ở điều kiện tiêu chuẩn/ *In standard condition*			
• Sau 28 ngày/ *After 28 days*		≥ 1	2,69
• Sau khi ngâm nước (7 ngày ở điều kiện tiêu chuẩn, 21 ngày trong nước ở nhiệt độ [27 ± 2] °C) *After immerse in water (storage 7 days in standard condition and immersed in water at [27 ± 2] °C during 21 days)*		≥ 1	2,46
• Sau khi lão hóa nhiệt (14 ngày ở điều kiện tiêu chuẩn, 14 ngày ở nhiệt độ [70 ± 3] °C) *After heat aging (storage 14 days in standard condition and then heating at [70 ± 3] °C during 14 days)*		≥ 1	2,14
• Sau các chu kỳ đóng băng và tan băng *After freeze- thaw cycles*		≥ 1	2,15
8.2. Thời gian mở, *Opening time*	min	≥ 30	41
8.3. Độ trượt/ *Slip*,	mm	≤ 0,5	0,49

Ghi chú/ *Notes*: KQĐ: Không quy định/ *Not required*

C_2TE: Mức chỉ tiêu chất lượng của keo, vữa dán gạch loại C_2TE theo TCVN 7899 – 1 : 2008

Quality criteria of adhesives, grouts type C_2TE according to TCVN 7899 – 1 : 2008

Mẫu được gia công và thử nghiệm vào ngày 01/03/2018 & 29/03/2018 với sự chứng kiến của khách hàng và các bên liên quan/ *The samples were prepared and testing on 01/03/2018 & 29/03/2018 with the witness of the customer and related parties*